

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 115/2025/DS-ST

Ngày: 28/02/2025

V/v Tranh chấp đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ

2. Ông Hà Nguyễn Minh Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Mai Như Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 28 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử công khai vụ án thụ lý số 447/2024/TLST-DS ngày 24/4/2024 về việc “Tranh chấp về đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-DS ngày 13/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-DS ngày 10/02/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* - Ông Đoàn Ngọc S

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bà Nguyễn Thị L

Địa chỉ: 62 H, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Huỳnh Quốc V

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- Bà Nguyễn Thị Bích T

Địa chỉ: A6/17, tổ 5, Ấp 1A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Xuân N, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/4/2024) (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Lư Kim O (Vắng mặt)

Địa chỉ: 163 T, Phường 4, quận P, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đoàn Ngọc S trình bày:

Thông qua mối quan hệ ngoài xã hội thì ông quen biết với bà Lư Kim O, trong thời gian quen biết với nhau khi biết được ông S có nhu cầu làm hồ sơ Visa E8-2 (Visa thời vụ ngắn hạn diện nông nghiệp tại Hàn Quốc) thì bà Lư Kim O có đề nghị đứng ra làm hồ sơ cho ông S, bà Lư Kim O cam kết sẽ làm được hồ sơ nêu trên nên ông cũng tin tưởng và đồng ý nhờ bà Lư Kim O đứng ra làm hồ sơ, hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói chứ không lập thành văn bản.

Vào khoảng giữa năm 2023 bà Lư Kim O yêu cầu ông S đưa tiền để bà Lư Kim O có chi phí trong quá trình làm hồ sơ nên ông đã đưa cho bà Lư Kim O số tiền 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng.

Sau khi nhận tiền của ông S thì bà Lư Kim O không tiến hành bất cứ công việc gì để giải quyết hồ sơ cho ông S, khi biết được sự việc ông S có liên lạc với bà Lư Kim O để yêu cầu trả lại tiền, ngày 20/11/2023 bà Lư Kim O đã lập tờ cam kết sẽ trả lại toàn bộ số tiền nêu trên cho ông S vào ngày 20/12/2023. Tuy nhiên, khi đến thời hạn trả tiền thì ông có liên lạc với bà Lư Kim O để nhận lại số tiền nêu trên nhưng bà Lư Kim O cố tình né tránh không thực hiện.

Nhận thấy việc làm trên của bà Lư Kim O là vi phạm thỏa thuận mà các bên đã cam kết cũng như xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông S, vì vậy ông khởi kiện bà Lư Kim O yêu cầu như sau:

- Buộc bà Lư Kim O trả lại cho ông số tiền là 25.000.000.

- Buộc bà Lư Kim O phải trả cho ông số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 21/12/2023 cho đến ngày 28/02/2025 với số tiền là 2.965.277 đồng (25.000.000 đồng x 10%/năm x 14 tháng 7 ngày).

Tổng số tiền gốc và số tiền lãi chậm trả mà ông S yêu cầu bà Lư Kim O phải trả là 27.965.277 (Hai mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi bảy) đồng.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Thông qua mối quan hệ ngoài xã hội thì bà L quen biết với bà Lư Kim O, trong thời gian quen biết với nhau khi biết được bà L có nhu cầu làm hồ sơ Visa E8-2 (Visa

thời vụ ngắn hạn diện nông nghiệp tại Hàn Quốc) thì bà Lư Kim O có đề nghị đứng ra làm hồ sơ cho bà L, bà Lư Kim O cam kết sẽ làm được hồ sơ nêu trên nên bà cũng tin tưởng và đồng ý nhờ bà Lư Kim O đứng ra làm hồ sơ, hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói chứ không lập thành văn bản.

Vào khoảng giữa năm 2023 bà Lư Kim O yêu cầu bà L đưa tiền để bà Lư Kim O có chi phí trong quá trình làm hồ sơ nên bà L đưa cho bà Lư Kim O tổng cộng số tiền là 610.000.000 (*Sáu trăm mười triệu*) đồng.

Sau khi nhận tiền của bà thì bà Lư Kim O không tiến hành bất cứ công việc gì để giải quyết hồ sơ cho bà, khi biết được sự việc bà L có liên lạc với bà Lư Kim O để yêu cầu trả lại tiền, vào ngày 27/12/2023 bà Lư Kim O đã lập giấy cam kết với nội dung cam kết tới ngày 31/01/2024 sẽ trả lại toàn bộ số tiền nêu trên cho bà L. Tuy nhiên, khi đến thời hạn trả tiền thì bà L có liên lạc với bà Lư Kim O để nhận lại số tiền nêu trên nhưng bà Lư Kim O cố tình né tránh và không thực hiện.

Nhận thấy việc làm nêu trên của bà Lư Kim O là vi phạm thỏa thuận mà các bên đã cam kết cũng như xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L, vì vậy bà L khởi kiện bà Lư Kim O yêu cầu như sau:

- Buộc bà Lư Kim O trả lại cho bà L số tiền gốc là 610.000.000 đồng;
- Buộc bà Lư Kim O phải trả cho bà số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/02/2024 cho đến ngày 28/02/2025 với số tiền là 65.574.999 đồng ($610.000.000 \text{ đồng} \times 10\% / \text{năm} \times 12 \text{ tháng} = 72.000.000 \text{ đồng}$).

Tổng số tiền gốc và số tiền lãi chậm trả mà bà L yêu cầu bà Lư Kim O phải trả là 675.574.999 (*Sáu trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi tư nghìn chín trăm chín mươi chín*) đồng.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Quốc V trình bày:

Thông qua mối quan hệ ngoài xã hội thì ông quen biết với bà Lư Kim O, trong thời gian quen biết với nhau khi biết được ông V có nhu cầu làm hồ sơ Visa E8-2 (Visa thời vụ ngắn hạn diện nông nghiệp tại Hàn Quốc) thì bà Lư Kim O có đề nghị đứng ra làm hồ sơ cho ông V, bà Lư Kim O cam kết sẽ làm được hồ sơ nêu trên nên ông cũng tin tưởng và đồng ý nhờ bà Lư Kim O đứng ra làm hồ sơ, hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói chứ không lập thành văn bản.

Vào khoảng giữa năm 2023 bà Lư Kim O yêu cầu ông V đưa tiền để bà Lư Kim O có chi phí trong quá trình làm hồ sơ nên ông đã đưa cho bà Lư Kim O số tiền 90.000.000 (*Chín mươi triệu*) đồng.

Sau khi nhận tiền của ông V thì bà Lư Kim O không tiến hành bất cứ công việc gì để giải quyết hồ sơ cho ông V, khi biết được sự việc ông V có liên lạc với bà Lư Kim O để yêu cầu trả lại tiền, vào ngày 20/11/2023 bà Lư Kim O đã lập tờ cam kết sẽ trả lại

toàn bộ số tiền nêu trên cho ông V vào ngày 20/12/2023. Tuy nhiên, khi đến thời hạn trả tiền thì ông có liên lạc với bà Lư Kim O để nhận lại số tiền nêu trên nhưng bà Lư Kim O cố tình né tránh không thực hiện.

Nhận thấy việc làm trên của bà Lư Kim O là vi phạm thỏa thuận mà các bên đã cam kết cũng như xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông V, vì vậy ông khởi kiện bà Lư Kim O yêu cầu như sau:

- Buộc bà Lư Kim O trả lại cho ông số tiền gốc là 90.000.000 đồng;
- Buộc bà Lư Kim O phải trả cho ông số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 21/12/2023 cho đến ngày 28/02/2025 với số tiền là 10.674.999 đồng (10%/năm x 90.000.000 đồng x 14 tháng 7 ngày).

Tổng số tiền gốc và số tiền lãi chậm trả mà ông V yêu cầu bà Lư Kim O phải trả là 100.674.999 (*Một trăm triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi chín*) đồng.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Thông qua mối quan hệ ngoài xã hội thì bà T quen biết với bà Lư Kim O, trong thời gian quen biết với nhau khi biết được bà T có nhu cầu làm hồ sơ Visa E8-2 (Visa thời vụ ngắn hạn diện nông nghiệp tại Hàn Quốc) thì bà Lư Kim O có đề nghị đứng ra làm hồ sơ cho bà T, bà Lư Kim O cam kết sẽ làm được hồ sơ nêu trên nên bà cũng tin tưởng và đồng ý nhờ bà Lư Kim O đứng ra làm hồ sơ, hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói chứ không lập thành văn bản.

Vào khoảng giữa năm 2023 bà Lư Kim O yêu cầu bà T đưa tiền để bà Lư Kim O có chi phí trong quá trình làm hồ sơ nên bà T đưa cho bà Lư Kim O tổng cộng số tiền là 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng.

Sau khi nhận tiền của bà T thì bà Lư Kim O không tiến hành bất cứ công việc gì để giải quyết hồ sơ cho bà, khi biết được sự việc bà T có liên lạc với bà Lư Kim O để yêu cầu trả lại tiền, vào ngày 20/11/2023 bà Lư Kim O đã lập giấy cam kết sẽ trả lại toàn bộ số tiền nêu trên cho bà L vào ngày 20/12/2023. Tuy nhiên, khi đến thời hạn trả tiền thì bà T có liên lạc với bà Lư Kim O để nhận lại số tiền nêu trên nhưng bà Lư Kim O cố tình né tránh và không thực hiện.

Nhận thấy việc làm nêu trên của bà Lư Kim O là vi phạm thỏa thuận mà các bên đã cam kết cũng như xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, vì vậy bà T khởi kiện bà Lư Kim O yêu cầu như sau:

- Buộc bà Lư Kim O trả lại cho bà T số tiền gốc là 40.000.000 đồng;
- Buộc bà Lư Kim O phải trả cho bà số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 21/12/2023 cho đến ngày 28/02/2025 với số tiền là 4.744.444 đồng (40.000.000 đồng x 10%/năm x 14 tháng 7 ngày).

Tổng số tiền gốc và số tiền lãi chậm trả mà bà T yêu cầu bà Lư Kim O phải trả là 44.744.444 (*Bốn mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn*) đồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bị đơn bà Lư Kim O nhiều lần nhưng bị đơn đều vắng mặt. Do đó Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt giấy triệu tập đối với bị đơn theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật của theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Ông Đoàn Ngọc S, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Bích T, ông Huỳnh Quốc V khởi kiện yêu cầu giải quyết về tranh chấp đòi tài sản với bị đơn bà Lư Kim O có nơi cư trú cuối cùng tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn bà Lư Kim O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

Căn cứ Tờ cam kết của Lư Kim O ngày 27/12/2023, bà O thừa nhận đã nhận của bà Nguyễn Thị L số tiền 610.000.000 đồng và cam kết trả lại vào 31/01/2024;

Căn cứ Tờ cam kết của Lư Kim O ngày 20/11/2023 bà O thừa nhận đã nhận ông Đoàn Ngọc S số tiền 25.000.000 đồng, nhận của bà Nguyễn Thị Bích T số tiền 40.000.000 đồng, nhận của ông Huỳnh Quốc V số tiền 90.000.000 đồng và cam kết trả lại vào 20/12/2023;

Hội đồng xét xử xét thấy, quá thời hạn trả tiền nhưng bà Lư Kim O vẫn chưa trả, đã xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông Đoàn Ngọc S, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Bích T, ông Huỳnh Quốc V nên theo quy định tại Điều 166 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Ngọc S, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Bích T, ông Huỳnh Quốc V là có căn cứ chấp nhận.

- Buộc bà Lư Kim O trả cho bà Nguyễn Thị L là 675.574.999 đồng, trong đó gốc là 610.000.000 đồng và lãi chậm trả là 65.574.999 đồng;

- Buộc bà Lư Kim O trả cho ông Đoàn Ngọc S số tiền là 27.965.277 đồng, trong đó gốc là 25.000.000 đồng và lãi chậm trả là 2.965.277 đồng;

- Buộc bà Lư Kim O trả cho ông Huỳnh Quốc V số tiền 100.674.999 đồng, trong đó gốc là 90.000.000 đồng và lãi chậm trả là 10.674.999 đồng;

- Buộc bà Lư Kim O trả cho bà Nguyễn Thị Bích T số tiền 44.744.444 đồng, trong đó gốc là 40.000.000 đồng và lãi chậm trả là 4.744.444 đồng;

[3] Về án phí:

Yêu cầu của các nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật Phí và Lệ phí năm 2015, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, ông Đoàn Ngọc S, bà Nguyễn Thị Bích T và ông Huỳnh Quốc V.

- Buộc bà Lư Kim O trả cho bà Nguyễn Thị L là 675.574.999 (*Sáu trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi chín*) đồng, trong đó gốc là 610.000.000 đồng và lãi chậm trả là 65.574.999 đồng;

- Buộc bà Lư Kim O trả cho ông Đoàn Ngọc S số tiền là 27.965.277 (*Hai mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi bảy*) đồng, trong đó gốc là 25.000.000 đồng và lãi chậm trả là 2.965.277 đồng;

- Buộc bà Lư Kim O trả cho ông Huỳnh Quốc V số tiền 100.674.999 đồng (*Một trăm triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi chín*) đồng, trong đó gốc là 90.000.000 đồng và lãi chậm trả là 10.674.999 đồng;

- Buộc bà Lư Kim O trả cho bà Nguyễn Thị Bích T số tiền 44.744.444 (*Bốn mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn*) đồng, trong đó gốc là 40.000.000 đồng và lãi chậm trả là 4.744.444 đồng;

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lư Kim O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 37.468.792 (*Ba mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm chín mươi hai*) đồng.

- Hoàn lại cho ông Đoàn Ngọc S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 644.000 (*Sáu trăm bốn mươi bốn nghìn*) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0032396 ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.430.000 (*Mười bốn triệu bốn trăm ba mươi nghìn*) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0032393 ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Bích T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.031.000 (*Một triệu không trăm ba mươi một nghìn*) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0032395 ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn lại cho ông Huỳnh Quốc V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.319.000 (*Hai triệu ba trăm mười chín nghìn*) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0032394 ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Phú Nhuận;
- CCTHADS Q.Phú Nhuận;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Út